

Số: 05/2019/SHA

V/v: Công bố báo cáo tài chính tổng  
hợp Quý 4/2018.

TP.HCM, ngày 29 tháng 01 năm 2019.

**Kính gửi:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh

Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn

Mã chứng khoán : SHA

Địa chỉ trụ sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-028) 37100101

Fax: (84-028) 62511989

Người thực hiện công bố thông tin: Ngô Thị Thanh Lan

Địa chỉ trụ sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-028) 37100101

Fax: (84-028) 62511989

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

- Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn công bố Báo cáo tài chính tổng hợp Quý 4/2018 gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tình chính.
- Giải trình chênh lệch 10% lợi nhuận sau thuế Báo cáo tài chính tổng hợp Quý 4/2018.

Thông tin này được chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/01/2019 tại đường dẫn <http://sonhasg.com.vn>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)



NGÔ THỊ THANH LAN

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>390,703,349,472</b>	<b>346,833,900,478</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>26,500,264,901</b>	<b>31,156,323,250</b>
1. Tiền	111		21,270,264,901	31,156,323,250
2. Các khoản tương đương tiền	112		5,230,000,000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>175,724,029,567</b>	<b>108,491,264,265</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	164,021,317,846	107,239,326,192
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3,749,285,018	1,697,554,460
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	9,659,593,452	1,310,528,362
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1,711,106,750)	(1,761,084,750)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4,940,001	4,940,001
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>186,445,155,025</b>	<b>198,519,297,653</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	186,445,155,025	198,519,297,653
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2,033,899,979</b>	<b>8,667,015,310</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	816,483,683	1,856,009,558
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1,037,138,702	6,743,813,233
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		180,277,594	67,192,519
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		197,324,293,364	209,120,333,885
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		173,460,684	587,435,043
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	173,460,684	587,435,043
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		94,683,501,165	110,405,555,808
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	56,416,531,712	61,629,326,415
<i>Nguyên giá</i>	222		97,748,656,538	94,888,926,930
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(41,332,124,826)	(33,259,600,515)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	-	9,422,542,688
<i>Nguyên giá</i>	225		-	13,796,893,307
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	(4,374,350,619)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	38,266,969,453	39,353,686,705
<i>Nguyên giá</i>	228		45,566,332,444	45,566,332,444
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7,299,362,991)	(6,212,645,739)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		31,076,093,700	31,076,093,700
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	31,076,093,700	31,076,093,700
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		70,000,000,000	63,200,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	70,000,000,000	63,200,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		1,391,237,815	3,851,249,334
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	1,391,237,815	3,851,249,334
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>588,027,642,836</b>	<b>555,954,234,363</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>277,615,566,085</b>	<b>261,572,177,031</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>273,044,404,317</b>	<b>253,129,948,055</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	29,320,438,805	52,490,669,441
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1,401,860,994	1,456,865,006
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1,993,179,830	1,668,768,480
4. Phải trả người lao động	314		5,083,182,782	5,147,006,526
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	2,178,029,819	4,019,278,264
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	128,747,898	293,162,883
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	231,575,531,002	187,046,043,168
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	1,363,433,187	1,008,154,287
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4,571,161,768</b>	<b>8,442,228,976</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	284,638,000	263,238,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	4,286,523,768	8,178,990,976
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>310,412,076,751</b>	<b>294,382,057,332</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.19.a	<b>310,412,076,751</b>	<b>294,382,057,332</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		275,792,000,000	275,792,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.19.b	275,792,000,000	275,792,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(250,000,000)	(250,000,000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8,175,955,129	6,044,281,728
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26,694,121,622	12,795,775,604
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(17,546,376,697)	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		44,240,498,319	12,795,775,604
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>588,027,642,836</b>	<b>555,954,234,363</b>

Người lập biểu

Trần Thị Thu Hạnh

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thanh Lan

Lập, ngày 25 tháng 01 năm 2019



Lê Hoàng Hà

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

(Đơn vị: VND)

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND			
			Quý này năm nay	Quý này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Quý này năm nay	Quý này năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	180,602,400,816	175,998,467,830	683,534,778,456	671,923,389,490
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	4,928,861,806	5,693,420,768	16,501,740,520	24,774,956,683
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		175,673,539,010	170,305,047,062	667,033,037,936	647,148,432,807
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	148,693,634,487	144,607,531,255	570,876,494,764	558,152,298,009
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26,979,904,523	25,697,515,807	96,156,543,172	88,996,134,798
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9,323,357,148	11,988,845,638	30,084,555,112	12,169,747,559
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4,214,198,302	4,469,131,550	14,201,811,411	15,416,014,863
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4,096,972,631	4,369,030,870	14,013,593,574	14,414,098,020
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	11,816,761,678	12,221,180,735	45,806,287,330	43,498,459,861
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4,491,132,253	5,437,821,825	18,423,119,269	18,213,135,088
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15,781,169,438	15,558,227,335	47,809,880,274	24,038,272,545
11. Thu nhập khác	31	VI.7	232,295,519	296,609,248	2,310,058,646	765,729,819
12. Chi phí khác	32	VI.8	7,488,833	44,022,691	1,344,921,221	264,412,447
13. Lợi nhuận khác	40		224,806,686	252,586,557	965,137,425	501,317,372
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16,005,976,124	15,810,813,892	48,775,017,699	24,539,589,917
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1,519,339,545	1,201,280,322	4,534,519,380	2,953,102,345
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	14,486,636,579	14,609,533,570	44,240,498,319	21,586,487,572
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	14,486,636,579	14,609,533,570	44,240,498,319	21,586,487,572
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62				
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70				
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71				

Người lập biểu



Trần Thị Thu Hạnh

Kế toán trưởng



Ngô Thị Thanh Lan

Lập báo ngày 25 tháng 01 năm 2019



Lê Hoàng Hà

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	48,775,017,699	24,539,589,917
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	9,967,583,940	10,001,157,088
- Các khoản dự phòng	03	(49,978,000)	(664,416,609)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(17,252,366,424)	(10,203,923,133)
- Chi phí lãi vay	06	14,013,593,574	14,414,098,020
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	55,453,850,789	38,086,505,283
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(43,586,110,534)	66,621,453,900
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	12,074,142,628	(106,682,666,918)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(53,006,110,417)	(42,292,198,735)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3,499,537,394	(2,451,597,975)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(14,022,995,779)	(9,657,612,520)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4,219,326,730)	(2,597,050,355)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	205,947,471	90,446,300
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(271,123,300)	(5,992,090,660)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(43,872,188,478)</b>	<b>(64,874,811,680)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1,569,561,000)	(17,712,320,546)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(28,200,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	5,000,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	40,626,232	10,203,923,133
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1,528,934,768)</b>	<b>(30,708,397,413)</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	490,025,429,745	419,465,083,513
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(446,655,619,994)	(314,078,161,021)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35 V.18	(2,376,344,854)	(2,836,392,946)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(248,400,000)	(271,162,192)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>40,745,064,897</b>	<b>102,279,367,354</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(4,656,058,349)</b>	<b>6,696,158,261</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60 V.1</b>	<b>31,156,323,250</b>	<b>24,460,164,989</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70 V.1</b>	<b>26,500,264,901</b>	<b>31,156,323,250</b>

Người lập biểu

Trần Thị Thu Hạnh

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thanh Lan

Báo, ngày 25 tháng 01 năm 2019

Chủ tịch HĐQT



Lê Hoàng Hà

# CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

##### 1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ Phần

Các đơn vị trực thuộc:

###### Tên đơn vị

###### Địa chỉ

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn- Khu Công nghiệp Tân Bình  
Mã số CN: 0307526635-002  
Lô III-3A đường số 1, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân phú, TP.Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-003  
1024 quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
- Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-005  
Đại lộ Bình Dương, phường Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Chi nhánh Đắk Nông - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-008  
Thửa số 251, tờ bản đồ số 03, tổ 4, Phường Nghĩa Phú, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.
- Chi nhánh Cần Thơ - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn  
Mã số chi nhánh: 0307526635-009  
81 Quốc lộ 1A, Tổ 61, Khu phố 11, Phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.
- Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn  
Mã số chi nhánh: 0307526635-0010  
1798 Võ Nguyên Giáp, Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.
- Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0011  
Số 477, ấp Minh Phong, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.
- Chi nhánh Long Khánh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0012  
Số 81, Quốc lộ 1A, ấp Cẩm Tân, Xã Xuân Tân, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai
- Chi nhánh Khánh Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-007  
50 Quốc lộ 1A, Thôn Cư Thạnh, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa, VN
- Chi nhánh Đắk Lắk - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0013  
Số 7B, Quốc lộ 14, buôn Cour Đăng A, Xã Cuor Đăng, Huyện Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.
- Chi nhánh Bình Phước - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0014  
DT.741, ấp 1, xã Tiến Hưng, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
- Chi nhánh An Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0015  
572 Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang
- Chi nhánh Tiền Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0016  
Số 5/4 Quốc lộ 50, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Phong, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi nhánh Biên Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0017	Số 9-11, Lô A10, GĐCB- QĐ4, Phường Tân Phong, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Chi nhánh Bình Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0018	Km số 6, Thôn Phú Khánh, Xã Hàm Mỹ, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận.
- Chi nhánh Buôn Mê Thuột - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số CN: 0307526635-0020	18 Thôn 13, Xã Hòa Khánh, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Eakar - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0019	Km 56, QL 26, Buôn Tân Sinh, xã Ea Đar, Huyện Eakar, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Bình Long - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0021	Quốc lộ 13, Tổ 10, Ấp Phú Long, Xã Thanh Phú, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước.
- Chi nhánh Bến Tre - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0023	93 Đ, Ấp Bình Thành, xã Bình Phú, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.
- Chi nhánh Tây Ninh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0025	Tổ 17A, Ấp Hiệp Trường, Xã Hiệp Tân, Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Đồng Tháp - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0024	Số 425A, Quốc lộ 30, Tổ 13, Ấp An Định, Xã An Bình, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
- Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0026	Thửa đất số 31, Khu A3, Đường Số 01, Phường 1, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Chi nhánh Ninh Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0028	Số 03, Đường Lê Duẩn, KP3, P.Đài Sơn, TP Nha Trang - Tháp chàm, Tỉnh Ninh Thuận, VN.
- Chi nhánh Trà Vinh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0029	Ấp Chợ, Xã Phương Thạnh, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.
- Chi nhánh Bạc Liêu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0027	Số 41 Nguyễn Thái Học, Khóm 10, Phường 1, TP Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
- Chi nhánh Long An - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0030	Ấp Đồng Tâm. Xã Long Trạch, huyện Cần Đước, Tỉnh Long An, Việt Nam.

- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cấu kiện kim loại, thùng bể chứa và dụng cụ chứa bằng kim loại.
- Nhân viên**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 Công ty có 283 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 308 nhân viên).
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm/kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**  
Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty dưới 12 tháng, Công ty chủ yếu sản xuất các sản phẩm trong tháng tính giá thành vào cuối tháng và kinh doanh hàng hóa công nghiệp. Sản phẩm và hàng hóa được bán trực tiếp tại kho Công ty hoặc chuyển về các chi nhánh để bán theo các đơn đặt hàng từ phòng kinh doanh.

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

#### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

#### 3. Hàng tồn kho

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Tỷ lệ</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

##### 6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

##### 7. Tài sản thuê hoạt động

###### *Công ty là bên cho thuê*

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

###### *Công ty là bên đi thuê*

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

##### 8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty được ghi nhận theo nguyên giá bao gồm nhà và quyền sử dụng đất.

##### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

###### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao từ 42 đến 47 năm theo thời gian giao đất.

###### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### **10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

#### **11. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm/kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **12. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### **13. Chi phí trả trước**

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

##### ***Chi phí xây dựng các showroom, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm tài sản***

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### ***Chi phí quảng cáo, thuê nhà***

Chi phí quảng cáo thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng thuê nhà.

#### **14. Chi phí phải trả:**

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

#### 15. Vay và nợ phải trả thuê tài chính:

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản vay, nợ thuê tài chính của Công ty.

#### 16. Nguồn vốn kinh doanh

##### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

#### 17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

#### 18. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

##### **Mục đích**

- Quỹ đầu tư phát triển: Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty; Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

#### 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*



## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

#### **20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

#### **21. Giá vốn hàng bán:**

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

#### **22. Chi phí tài chính:**

Phản ánh những chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động tài chính, chi phí đi vay vốn, dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ tỷ giá hối đoái.

#### **23. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:**

## CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ và chi phí quản lý chung của doanh nghiệp.

#### 24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong giai đoạn từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	5,228,224,609	2,254,647,792
Tiền gửi ngân hàng	16,042,040,292	28,901,675,458
Các khoản tương đương tiền	5,230,000,000	
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	5,230,000,000	
<b>Cộng</b>	<b><u>26,500,264,901</u></b>	<b><u>31,156,323,250</u></b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá Gốc</u>	<u>Dự Phòng</u>	<u>Giá Gốc</u>	<u>Dự Phòng</u>
<b>+ Đầu tư tài chính ngắn hạn:</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng NH Techcombank				
<b>Cộng</b>				
	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá Gốc</u>	<u>Dự Phòng</u>	<u>Giá Gốc</u>	<u>Dự Phòng</u>

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:**

**+ Công ty con:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	70,000,000,000	63,200,000,000
<b>Cộng</b>	<b>70,000,000,000</b>	<b>63,200,000,000</b>

**3. Phải thu khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	5,727,796,350	
- Công Ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Kim Thanh Long	1,441,595,414	1,153,582,511
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Và Phát Triển Hưng Thịnh	35,100,546,435	
- Công ty TNHH TM DV Đại Phong Phú	822,711,533	822,711,533
- Bình Dương – ĐL Quý Sơn Hà	888,395,216	938,373,216
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	4,949,657,609	13,917,409,009
- Công ty TNHH cơ khí xây dựng Minh Ngọc Dương	9,492,598,641	
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Kim Loại VINA	22,551,335,398	28,314,181,000
- Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Sơn Hà	2,565,523,125	3,273,312,676
- Các Khách hàng khác	80,481,158,125	58,819,756,247
<b>Cộng</b>	<b>164,021,317,846</b>	<b>107,239,326,192</b>

**Phải thu khách hàng là các bên liên quan:**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	4,949,657,609	13,917,409,009
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	5,727,796,350	
- Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Sơn Hà	2,565,523,125	3,273,312,676
<b>Cộng</b>	<b>13,242,977,084</b>	<b>17,190,721,685</b>

**4. Các khoản phải thu khác**

Ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu về cổ phần hóa		
- Phải thu người lao động	950,262,238	962,008,865
- Ký cược, ký quỹ	38,202,112	37,100,000
- Bảo hiểm xã hội	130,427,719	121,019,849
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	8,540,701,383	190,399,648
<b>Cộng</b>	<b>9,659,593,452</b>	<b>1,310,528,362</b>
Dài hạn		
- Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	173,460,684	587,435,043
<b>Cộng</b>	<b>173,460,684</b>	<b>587,435,043</b>
<b>Tổng Cộng</b>	<b>9,833,054,136</b>	<b>1,897,963,405</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**5. Nợ xấu**

	Nợ gốc	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		Giá trị có thể thu hồi	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH TM DV Đại Phong Phú	822,711,533		822,711,533
Bình Dương – ĐL Quý Sơn Hà	888,395,216		938,373,216
<b>Cộng</b>	<b>1,711,106,749</b>		<b>1,761,084,749</b>

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	4,136,285,027	15,752,373,178
Nguyên liệu, vật liệu	52,353,239,342	61,604,039,778
Công cụ, dụng cụ		
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	14,799,679,715	9,041,976,931
Thành phẩm	21,579,097,479	23,620,871,774
Hàng hóa	93,576,853,462	88,500,035,991
<b>Cộng</b>	<b>186,445,155,025</b>	<b>198,519,297,653</b>

**7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng hóa		
<b>Cộng</b>		

**8. Chi phí trả trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
- Chi phí trả trước về thuê kho	449,793,330	775,886,900
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	247,833,353	803,612,335
- Các khoản khác	118,857,000	276,510,323
<b>Cộng</b>	<b>816,483,683</b>	<b>1,856,009,558</b>

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Dài hạn</b>		
- Chi phí công cụ dụng cụ	387,793,278	594,990,416
- Chi phí sửa chữa	40,277,777	65,388,748
- Chi phí mua bảo hiểm	28,135,206	46,825,182
- Các khoản khác	935,031,554	3,144,044,988
<b>Cộng</b>	<b>1,391,237,815</b>	<b>3,851,249,334</b>

**Tổng cộng****2,207,721,498**      **5,707,258,892****9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Số đầu năm	31,835,646,904	21,469,492,403	41,240,147,714	343,639,909	94,888,926,930
Tăng trong năm		4,573,702,222	11,056,980,190		15,630,682,412
- Mua sắm mới		380,797,200	1,429,991,905		1,810,789,105
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành					
- Mua lại TSCD thuê tài chính		4,192,905,022	9,626,988,285		13,819,893,307
Giảm trong năm		4,484,116,222	8,286,836,582		12,770,952,804
- Góp vốn Công ty TNHH MTV Sơn Hà Chu Lai		4,192,905,022	6,582,848,789		10,775,753,811
- Thanh lý, nhượng bán		291,211,200	1,703,987,793		1,995,198,993
- Giảm khác (ghi cụ thể)					
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>31,835,646,904</b>	<b>21,559,078,403</b>	<b>44,010,291,322</b>	<b>343,639,909</b>	<b>97,748,656,538</b>

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

**Giá trị hao mòn**

Số đầu năm	7,029,253,287	14,823,623,613	11,064,856,390	341,867,225	33,259,600,515
Tăng trong năm	1,425,745,571	4,246,755,877	7,388,836,043	1,772,684	13,063,110,175
- Khấu hao trong năm	1,425,745,571	4,246,755,877	3,781,540,929	1,772,684	9,455,815,061
- Mua lại TSCD thuê tài chính			3,607,295,114		3,607,295,114
Giảm trong năm		1,861,125,510	3,129,460,354		4,990,585,864
- Góp vốn Công ty TNHH MTV Sơn Hà Chu Lai		1,843,791,510	2,233,506,338		4,077,297,848
- Thanh lý, nhượng bán		17,334,000	895,954,016		913,288,016
- Giảm khác (ghi cụ thể)					
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>8,454,998,858</b>	<b>17,209,253,980</b>	<b>15,324,232,079</b>	<b>343,639,909</b>	<b>41,332,124,826</b>

**Giá trị còn lại**

Số đầu năm	24,806,393,617	6,645,868,790	30,175,291,324	1,772,684	61,629,326,415
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>23,380,648,046</b>	<b>4,349,824,423</b>	<b>28,686,059,243</b>		<b>56,416,531,712</b>

**10 Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	4,185,905,022	9,610,988,285			13,796,893,307
Tăng trong năm					
- Thuê tài chính trong năm					
- Tăng khác (ghi cụ thể)					
Giảm trong năm	4,185,905,022	9,610,988,285			13,796,893,307

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	4,185,905,022	9,610,988,285	13,796,893,307
-------------------------------	---------------	---------------	----------------

- Trả lại TSCĐ thuê tài chính			
-------------------------------	--	--	--

- Giảm khác (ghi cụ thể)			
--------------------------	--	--	--

Số cuối kỳ

**Giá trị hao mòn**

Số đầu năm	1,594,630,495	2,779,720,124	4,374,350,619
------------	---------------	---------------	---------------

Tăng trong năm	167,463,462	740,414,425	907,877,887
----------------	-------------	-------------	-------------

- Khấu hao trong năm	167,463,462	740,414,425	907,877,887
----------------------	-------------	-------------	-------------

- Tăng khác (ghi cụ thể)			
--------------------------	--	--	--

Giảm trong năm	1,762,093,957	3,520,134,549	5,282,228,506
----------------	---------------	---------------	---------------

- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	1,762,093,957	3,520,134,549	5,282,228,506
-------------------------------	---------------	---------------	---------------

- Trả lại TSCĐ thuê tài chính			
-------------------------------	--	--	--

- Giảm khác (ghi cụ thể)			
--------------------------	--	--	--

Số cuối kỳ

**Giá trị còn lại**

Số đầu năm	2,591,274,527	6,831,268,161	9,422,542,688
------------	---------------	---------------	---------------

Số cuối kỳ

**11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	...	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	45,156,600,444			409,732,000		45,566,332,444
Tăng trong năm						
- Mua trong năm						
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành						
- Nhà nước cấp						
- Tăng khác (ghi cụ thể)						
Giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Hoàn trả cho Nhà nước						
- Giảm khác (ghi cụ thể)						
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>45,156,600,444</b>			<b>409,732,000</b>		<b>45,566,332,444</b>

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

**Giá trị hao mòn**

Số đầu năm	5,997,319,967	215,325,772	6,212,645,739
------------	---------------	-------------	---------------

Tăng trong năm	1,004,770,836	81,946,416	1,086,717,252
----------------	---------------	------------	---------------

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Khấu hao trong năm	1,004,770,836	81,946,416	1,086,717,252
- Tăng khác (ghi cụ thể)			
<b>Giảm trong năm</b>			
- Thanh lý, nhượng bán			
- Giảm khác (ghi cụ thể)			
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>7,002,090,803</b>	<b>297,272,188</b>	<b>7,299,362,991</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	39,159,280,477	194,406,228	39,353,686,705
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>38,154,509,641</b>	<b>112,459,812</b>	<b>38,266,969,453</b>

**12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
- Quyền sử dụng đất	31,072,093,700				31,072,093,700
- XDCB dở dang	4,000,000				4,000,000
	<b>31,076,093,700</b>				<b>31,076,093,700</b>

**13 Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH Posco VST	12,128,217,710	14,852,041,528
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	0	469,816,491
- Cty CP Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	6,859,713,844	3,945,456,003
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	2,760,285,531	15,211,400,004
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	4,999,730,149	15,806,896,841
- Các đối tượng khác	2,572,491,571	2,205,058,574
<b>Cộng</b>	<b>29,320,438,805</b>	<b>52,490,669,441</b>

**Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	4,999,730,149	15,806,896,841
<b>Cộng</b>	<b>4,999,730,149</b>	<b>15,806,896,841</b>

**14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Thuế và các khoản phải nộp	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	433,355,490	4,900,237,633	4,861,446,884	472,146,239
Thuế tiêu thụ đặc biệt				
Thuế xuất, nhập khẩu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,203,411,194	4,534,519,380	4,219,326,730	1,518,603,844
Thuế thu nhập cá nhân	32,001,796	1,580,338,486	1,609,910,535	2,429,747
Thuế nhà đất, tiền thuê đất				
Các loại thuế khác				

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<b>Cộng</b>	<b>1,668,768,480</b>	<b>11,015,095,499</b>	<b>10,690,684,149</b>	<b>1,993,179,830</b>		
<b>15 Chi phí phải trả</b>						
		<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>		
- Chi phí trích trước thưởng, hàng khuyến mãi		930,459,740		1,149,705,491		
- Chi phí công tác, xăng dầu, khác		1,082,927,195		2,685,013,408		
- Chi phí lãi vay phải trả		164,642,884		184,559,365		
<b>Cộng</b>		<b>2,178,029,819</b>		<b>4,019,278,264</b>		
<b>16 Các khoản phải trả khác</b>						
<b>Ngắn hạn</b>		<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả						
Phải trả về cổ phần hóa						
Tài sản thừa chờ giải quyết		27,534,784		36,079,439		
Phải trả, phải nộp khác		101,213,114		257,083,444		
<b>Cộng</b>		<b>128,747,898</b>		<b>293,162,883</b>		
<b>Dài hạn</b>						
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		284,638,000		263,238,000		
<b>Cộng</b>		<b>284,638,000</b>		<b>263,238,000</b>		
<b>Tổng Cộng</b>		<b>413,385,898</b>		<b>556,400,883</b>		
<b>17 Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>						
	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</b>	<b>Tăng khác</b>	<b>Chi quỹ trong năm</b>	<b>Giảm khác</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Quỹ khen thưởng	1,008,154,287	355,278,900				1,363,433,187
Quỹ phúc lợi						
<b>Cộng</b>	<b>1,008,154,287</b>	<b>355,278,900</b>				<b>1,363,433,187</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SON HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**18. Vay và nợ thuế tài chính**

Nội dung	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	231,575,531,002	231,575,531,002	494,021,665,133	449,492,177,299	187,046,043,168	187,046,043,168
Vay ngắn hạn	229,638,939,010	229,638,939,010	490,094,829,745	441,194,436,382	180,738,545,647	180,738,545,647
- g TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Vã	95,496,375,971	95,496,375,971	196,132,688,634	186,941,543,642	86,305,230,979	86,305,230,979
- Ngân hàng và đầu tư phát triển Việt Nam - CN Hóc Môn	46,848,072,779	46,848,072,779	87,628,802,034	40,780,729,255	-	-
- Ngân hàng và đầu tư phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	-	-	29,073,796,775	58,083,575,303	29,009,778,528	29,009,778,528
- Ngân hàng TCMP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Kỳ Đông (4)	87,294,490,260	87,294,490,260	177,259,542,302	155,388,588,182	65,423,536,140	65,423,536,140
+ Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	1,936,591,992	1,936,591,992	3,620,293,344	5,679,339,344	3,995,637,992	3,995,637,992
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đông (5)	832,800,000	832,800,000	832,800,000	954,800,000	954,800,000	954,800,000
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (6)	268,399,992	268,399,992	1,711,774,992	2,674,024,992	1,230,649,992	1,230,649,992
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGE	835,392,000	835,392,000	1,075,718,352	2,050,514,352	1,810,188,000	1,810,188,000
+ Nợ thuế tài chính	(0)	(0)	306,542,044	2,618,401,573	2,311,859,529	2,311,859,529
+ Nợ dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	(0)	(0)	306,542,044	2,618,401,573	2,311,859,529	2,311,859,529
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	4,286,523,768	4,286,523,768	52,255,184	3,944,722,392	8,178,990,976	8,178,990,976
Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	4,286,523,768	4,286,523,768	52,255,184	3,594,853,176	7,829,121,760	7,829,121,760
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đông (5)	1,034,400,000	1,034,400,000	-	832,800,000	1,867,200,000	1,867,200,000
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (6)	178,933,768	178,933,768	-	1,711,774,992	1,890,708,760	1,890,708,760
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hồn (1)	3,073,190,000	3,073,190,000	52,255,184	1,050,278,184	4,071,213,000	4,071,213,000
Nợ thuế tài chính (7)	0	0	-	349,869,216	349,869,216	349,869,216
Nợ dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	0	0	-	349,869,216	349,869,216	349,869,216
	235,862,054,770	235,862,054,770	494,073,920,317	453,436,899,691	195,225,034,144	195,225,034,144

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

18-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****19 Vốn chủ sở hữu****19.a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	201,600,000,000	3,592,582,827	(227,272,727)	24,585,603,415	229,550,913,515
Lãi trong năm trước				21,586,487,572	21,586,487,572
Tăng vốn trong kỳ	74,192,000,000				74,192,000,000
Trích các quỹ trong năm		2,451,698,901		(2,451,698,901)	
Chia cổ tức, lợi nhuận				(24,192,000,000)	(24,192,000,000)
Quyền chọn đổi trái phiếu			227,272,727		227,272,727
+ Trích lập quỹ khen				(408,616,483)	(408,616,483)
+ Tiền thù lao Hội đồng				(276,000,000)	(276,000,000)
+ Trích lập trả cổ tức 2016 bằng tiền mặt 3%				(6,048,000,000)	(6,048,000,000)
+ Thặng dư vốn cổ phần			(250,000,000)		(250,000,000)
Số dư cuối năm trước	275,792,000,000	6,044,281,728	(250,000,000)	12,795,775,603	294,382,057,331
Số đầu năm Nay	275,792,000,000	6,044,281,728	(250,000,000)	12,795,775,603	294,382,057,331
Tăng vốn trong kỳ					
Lãi trong kỳ				44,240,498,319	44,240,498,319
Phân phối lợi nhuận trong kỳ		2,131,673,401		(30,342,152,301)	(28,210,478,900)
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển		2,131,673,401		(2,131,673,401)	
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi				(355,278,900)	(355,278,900)
+ Chia cổ tức 2017				(27,579,200,000)	(27,579,200,000)
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và BKS 2017				(276,000,000)	(276,000,000)
Số dư cuối kỳ	275,792,000,000	8,175,955,129	(250,000,000)	26,694,121,621	310,412,076,750

**19.b Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27,579,200	27,579,200
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	27,579,200	27,579,200
- Cổ phiếu phổ thông	27,579,200	27,579,200
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27,579,200	27,579,200
- Cổ phiếu phổ thông	27,579,200	27,579,200
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu (VND/ Cổ Phiếu)	10,000	10,000

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng doanh thu	180,602,400,816	175,998,467,830
- Doanh thu bán hàng hóa	124,415,994,414	125,757,564,722
- Doanh thu bán thành phẩm	56,186,406,402	50,240,011,290
Các khoản giảm trừ doanh thu:	4,928,861,806	5,693,420,768
- Chiết khấu thương mại	2,726,985,795	4,427,532,844
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại	2,201,876,011	1,265,887,924
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>175,673,539,010</u></b>	<b><u>170,305,047,062</u></b>

**2 Giá vốn hàng bán**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	106,377,199,756	109,396,014,956
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp <sup>(i)</sup>	42,314,616,550	35,208,925,390
<b>Cộng</b>	<b><u>148,693,634,487</u></b>	<b><u>144,607,531,255</u></b>

**3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	15,877,148	22,988,659
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8,500,000,000	10,000,000,000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	807,480,000	1,965,856,979
<b>Cộng</b>	<b><u>9,323,357,148</u></b>	<b><u>11,988,845,638</u></b>

**4 Chi phí tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	4,096,972,631	4,369,030,870
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	117,205,871	100,100,680
Chi phí tài chính khác	19,800	26,666,666
<b>Cộng</b>	<b><u>4,214,198,302</u></b>	<b><u>4,469,131,550</u></b>

**5 Chi phí bán hàng**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên	6,200,736,394	6,406,479,240
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	303,389,444	317,591,075
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,444,563,875	1,730,330,857
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,934,971,721	2,334,582,766
Chi phí khác	1,933,100,244	1,432,196,797
<b>Cộng</b>	<b><u>11,816,761,678</u></b>	<b><u>12,221,180,735</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1,506,753,360	1,439,840,880
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57,177,485	106,754,613
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,639,267,321	1,851,154,405
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,005,644,506	895,876,292
Chi phí khác	282,289,581	1,144,195,635
<b>Cộng</b>	<b><u>4,491,132,253</u></b>	<b><u>5,437,821,825</u></b>

**7 Thu nhập khác**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thu nhập cho thuê tài sản	39,860,970	39,860,970
Thu nhập khác	192,434,549	256,748,278
<b>Cộng</b>	<b><u>232,295,519</u></b>	<b><u>296,609,248</u></b>

**8 Chi phí khác**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê		39,805,902
Chi phí khác	7,488,833	4,216,789
<b>Cộng</b>	<b><u>7,488,833</u></b>	<b><u>44,022,691</u></b>

**9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**VII GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty TNHH MTV Công nghiệp Sơn Hà	Công ty con của Công ty TNHH MTV Quốc tế sơn hà Chu Lai
- Công ty TNHH MTV Quốc tế sơn hà Chu Lai	Công ty con
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	Cùng Chủ Tịch HĐQT

**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

# CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Số cuối kỳ Số đầu năm

#### Hội đồng quản trị

Tạm ứng

Thanh toán tạm ứng

#### Ban điều hành

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị		
Ban điều hành		
Cộng nợ phải thu		

#### Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan

	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai</b>		
- Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	15,647,575,280	18,729,064,610
- Bán hàng hóa, nguyên vật liệu	5,427,122,757	4,975,380,016
- Bán Tài sản cố định		
<b>Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà</b>		
- Bán hàng hóa, nguyên vật liệu	0	

Người lập biểu

Trần Thị Thu Hạnh

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thanh Lan



Lê Hoàng Hà

C. P. H. N. N.